



BẢN TIN THAN NGÀY

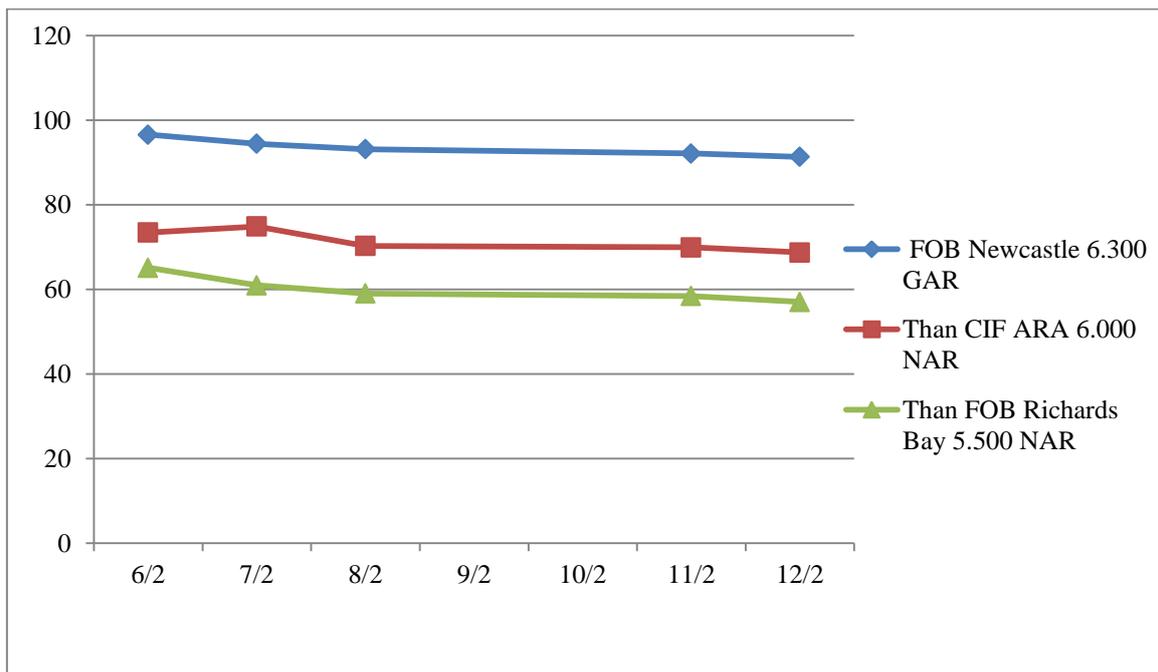
Ngày 18/2/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyển	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	91,35	-0,80	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	68,75	-1,20	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	57,05	-1,40	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,20	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	54,85	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	41,40	+0,20	279,58	+0,86
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	61,20	+0,20	413,29	+0,62
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	69,00	-0,50	465,96	-4,21

GIÁ THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 12/2/2019)

ĐIỂM TIN

Sản lượng than thương phẩm của SUEK (Nga) tăng nhờ khối lượng than Russian Railways vận chuyển tăng

Một trong số các công ty sản xuất than lớn nhất Nga, SUEK, cuối tháng 1 vừa công bố doanh thu năm 2018 đạt 5,7 tỷ USD, tăng 18% so với năm 2017, chủ yếu nhờ giá than vận chuyển đường biển tăng và nhu cầu cao hơn nguồn cung cho than nhiệt trị cao tại Châu Á. Khối lượng than xuất khẩu năm 2018 đạt 55,4 triệu tấn, cao hơn 2% so với năm 2017, trong khi sản lượng than thương phẩm nội địa không thay đổi ở mức 28,2 triệu tấn. SUEK cũng cho biết, sản lượng đã vượt 110 triệu tấn, chủ yếu nhờ cải thiện năng suất tại các khu vực mỏ lộ thiên. Trong đầu tuần trước (28/12-1/2), công ty đường sắt Russian Railways cho biết đã vận chuyển 12,03 triệu tấn than để xuất khẩu trong tháng 1, tương đương 79% tổng lượng than xuất khẩu của Nga, cao hơn 1,3% so với tháng trước đó và 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 1, Châu Âu phải đối mặt với nguồn cung dư thừa, trong đó phần lớn là than Nga được chào bán qua cảng Baltic.

(Nguồn: www.spglobal.com)

Lượng than nhập khẩu của Ấn Độ từ tháng 4/2018 đến tháng 1/2019 đạt 190 triệu tấn, tăng 5% so với năm trước

Lượng than nhập khẩu đã đạt 189,9 triệu tấn trong giai đoạn từ tháng 4/2018 đến tháng 1/2019, tăng 5,1% so với năm trước đó. Lượng than nhập khẩu trong cùng kỳ năm ngoái đạt 180,61 triệu tấn, dữ liệu từ mjunction, liên doanh giữa công ty Tata Steel và SAIL, một công ty thương mại điện tử thực hiện các báo cáo về ngành than và thép. Tuy nhiên lượng than nhập khẩu trong tháng 1 chỉ đạt 17,25 triệu tấn, giảm từ con số 19,59 triệu tấn cùng kỳ năm trước. CEO của mjunction cho biết: “Nhu cầu mua than cốc và các loại than khác từ khách hàng Ấn Độ trong tháng 1 rất thấp. Sản lượng thép sụt giảm và giá than cốc biến động trong tháng 1 đã khiến khách hàng cần trọng quan sát tình hình nhập khẩu than”. Đối với các loại than ngoài than cốc, tình hình dự trữ tại các NMNĐ cho thấy mức tăng trưởng ổn định và giúp hạn chế khối lượng than nhập khẩu. Trong tổng khối lượng than nhập khẩu trong tháng 1 năm 2019, khối lượng các loại than nhập khẩu ngoài than cốc đạt 12,35 triệu tấn, than cốc đạt 3,53 triệu tấn. Bộ trưởng Bộ Than, ông Piyush Goyal trước đó đã yêu cầu Coal India cam kết nâng cao sản lượng để loại bỏ nhập khẩu than. Chính phủ đã đặt mục tiêu 1 tỷ tấn than khai thác trong năm 2019-2020 nhưng đang xem xét gia hạn thêm thời gian. Coal India đã công bố sản lượng mục tiêu trong năm 2018-2019 là 652 triệu tấn.

(Nguồn: www.asianage.com)

Whitehaven Coal, Australia cắt giảm sản lượng mục tiêu trong năm 2018-2019

Whitehaven đã cắt giảm sản lượng than mục tiêu trong năm 2018-2019 (từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019) xuống còn 21,5 - 22,5 triệu tấn, từ mức 22 – 23 triệu tấn trước đó, theo thông tin trong báo cáo 6 tháng đầu năm. Quyết định trên được đưa ra sau một số sự kiện xảy ra tại mỏ than lớn thứ 2 của Whitehaven, mỏ Narrabri (Whitehaven nắm giữ 70%) từ giữa tháng 1 đến tháng 2, công ty đã quyết định giảm sản lượng than lộ thiên mục tiêu trong năm nay còn 5,6 - 6 triệu tấn, giảm từ con số 6,5 - 6,8 triệu tấn. Công ty cũng công bố sản lượng than Narrabri dự kiến trong năm tài chính 2019-2020 ở mức 6,2 đến 6,6 triệu tấn.

Ngoài ra công ty này vẫn giữ chỉ tiêu sản lượng tại mỏ than lớn nhất, Maules Creek, ở mức 11,8 - 12,2 triệu tấn. Whitehaven cho biết giá than trung bình trong giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 12 đạt 110 USD/tấn. Mức giá này phản ánh nhu cầu nhập khẩu than Australia chất lượng cao gia tăng từ Trung Quốc, cũng như nhu cầu tăng trưởng đột biến tại khu vực Nam và Đông Nam Á khi các dự án nhiệt điện mới liên tục triển khai tại đây, mặc dù than chất lượng tốt có giá cao, nguồn cung lại rất hạn chế”. Đối với than luyện kim, Whitehaven bán với giá trung bình 124 USD/tấn, tăng từ 111 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

(Nguồn: <https://www.spglobal.com>)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	6,15	+0,15
	Queensland	Nhật Bản	6,75	+0,15
	New South Wales	Hàn Quốc	7,60	+0,15
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	7,65	+0,05
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,55	+0,15
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	10,00	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,00	+0,00
	Australia	Trung Quốc	9,85	+0,00
	Australia	Ấn Độ	11,00	+0,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 12/02/2019)